TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** TỈNH BẾN TRE	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:04/2024/HNGĐ-ST.
Ngày: 22/01/2024
V/v: "Ly hôn, tranh chấp nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Lan.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Tống Nê
Ông Trần Văn Phước
- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Kinh Luân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Huỳnh Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre, Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 573/2023/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 10 năm 2023 về việc*"Ly hôn, tranh chấp nuôi con"* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 01 năm 2024 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn* Chị **Nguyễn Thị Kim N,** sinh năm: 1993, địa chỉ: ấp B, xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre.

* *Bị đơn*: Anh **Nguyễn Trọng K,** sinh năm: 1992, địa chỉ: F tổ E ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Nguyễn Trọng K: Bà **Đinh Thị Bé M**, sinh năm 1972; địa chỉ: F, khu phố D, phường P, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

Tất cả có mặt tại phiên Tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 09 tháng 10 năm 2023, bản tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Kim N trình bày:

*Về quan hệ hôn nhân***:** Chị và anh K tiến đến hôn nhân vào năm 2018, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện C, tỉnh Bến Tre. Hôn nhân tự nguyện. Sau khi kết hôn chị và anh K sống hạnh phúc, cùng nhau chăm lo cho gia đình. Năm 2022, chị và anh K bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã, tình cảm vợ chồng không còn, chị và anh K đã ly thân hơn 01 năm nay.

- *Về hôn nhân:* Chị yêu cầu được ly hôn anh K. Chị không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn.

- *Về con chung:* Có 01 con chung là Nguyễn Ngọc Thiên K1, sinh ngày 09/3/2019, khi ly hôn chị yêu cầu nuôi con, chị không yêu cầu anh K cấp dưỡng

nuôi con.

- *Về tài sản chung:* không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- *Về nợ chung:* Không có, không yêu cầu giải quyết.

Tại bản tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là anh Nguyễn Trọng K trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh thống nhất với lời trình bày của chị N. Anh và chị N tiến đến hôn nhân trên tinh thần tự nguyện, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H vào năm 2018. Qúa trình chung sống thời gian đầu có hạnh phúc, nhưng gần 01 năm nay tình cảm đã không còn, mạnh ai nấy sống, thấy tình cảm không còn nên N yêu cầu ly hôn, anh đồng ý ly hôn. Khi ly hôn, anh không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng.

Về con chung: Có 01 con chung là Nguyễn Ngọc Thiên K1, sinh ngày 09/3/2019, khi ly hôn, anh không đồng ý để N nuôi con, anh yêu cầu được con vì hiện tại con đang sống chung với vợ chồng anh cùng cha mẹ anh. Hằng ngày, con đi học bà nội đưa đón. Khi ly hôn N về nhà N, con ở lại với anh có mẹ chị lo lắng, chăm sóc sẽ tốt hơn.

- *Về tài sản chung:* Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- *Về nợ chung:* Không có, không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Kim N và anh Nguyễn Trọng K giữ nguyên ý kiến.

Người bảo vệ quyền và lợi ích của anh K bà Đinh Thị Bé M trình bày: Về hôn nhân, tài sản và nợ chung, anh K, chị N đã thống nhất được nên bà đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận của anh K và chị N. Riêng về con chung, anh K, chị N không thỏa thuận được việc nuôi con, anh K có nguyện vọng nuôi cháu K1 và không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con; ngược lại chị N cũng có nguyện vọng nuôi con và không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con. Nhưng xét về điều kiện anh K có điều kiện kinh tế ổn định hơn chị N, hiện cháu K1 đang sống chung với anh K nếu giao cháu K1 cho chị N sẽ làm thay đổi môi trường sống của cháu làm ảnh hưởng đến tâm sinh lý của cháu K1. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu K1 cho anh K trực tiếp nuôi dưỡng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre phát biểu:

Việc tuân theo pháp luật của thẩm phán: Trong quá trình giải quyết vụ án, thẩm phán đã tuân thủ theo đúng các quy định về pháp luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên Tòa và bảo đảm đúng nguyên tác xét xử.

Việc chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án: Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định tại các điều 70, 71; 72 theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về việc giải quyết vụ án: Sau khi đánh giá các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên Tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu phát biểu: Tại phiên tòa chị N và anh K trình bày nguyên nhân dẫn đến việc anh chị ly hôn là do mâu thuẫn về kinh tế, chị N nợ nần do đó yêu cầu ngừng phiên tòa để thu thập chủ nợ là ai để làm rõ nợ chung hay riêng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Thị Kim N có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết về việc: *"Ly hôn, tranh chấp nuôi con"* với anh Nguyễn Trọng K có nơi cư trú tại ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Bến Tre nên Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre thụ lý, giải quyết là phù hợp với quy định tại các điều 28, 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Việc kết hôn giữa chị Nguyễn Thị Kim N và anh Nguyễn Trọng K tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện C, tỉnh Bến Tre vào ngày 03/8/2018 là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình nên được công nhận.

[2.2] Chị Nguyễn Thị Kim N cho rằng cuộc hôn nhân giữa chị và anh Nguyễn Trọng K đã không còn hạnh phúc, nên yêu cầu được ly hôn anh Nguyễn Trọng K. Khi chị N yêu cầu ly hôn, anh K đồng ý vì cho rằng cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc. Điều đó chứng tỏ mâu thuẫn giữa hai bên đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử ghi nhận, chị N, anh K thuận tình ly hôn.

Khi ly hôn, chị Nguyễn Thị Kim N và anh Nguyễn Trọng K không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng.

[2.3] Về con chung: Giữa chị Nguyễn Thị Kim N và anh Nguyễn Trọng K có 01 con chung là Nguyễn Ngọc Thiên K1, sinh ngày 09/3/2019. Khi ly hôn, chị N yêu cầu nuôi con chung, không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con. Trước yêu cầu này của chị N, anh K không đồng ý, anh K yêu cầu nuôi con chung, không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con.

Hội đồng xét xử nhận thấy: Xét về điều kiện kinh tế, chị N và anh K đều có công việc có thu nhập ổn định. Xét về điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung: Sau khi kết hôn, chị N và anh K sinh sống tại nhà mẹ của anh K. Anh K làm việc tại nhà. Chị N làm việc tại khu công nghiệp G. Tại phiên tòa, chị N cũng thừa nhận do tính chất công việc tại khu công nghiệp, làm việc từ sáng đến chiều mới về nhà, có khi tăng ca đến 20 giờ, nên người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu K1 thực tế do mẹ anh K là bà N1 chăm sóc, đưa đón cháu K1 đi học. Ở nhà, người cháu Kim m nhất là bà nội, kế đến là chị N và đến anh K. Từ khi chị N và anh K kết hôn, cả hai sống tại nhà bà N1 và hiện tại chị N, anh K, cháu K1 đang sống tại nhà bà N1. Cháu K1 đang đi học gần nhà bà N1. Khi ly hôn, anh K vẫn sống tại nhà bà N1, chị N trở về nhà cha mẹ chị N sinh sống. Nếu giao cháu K1 cho chị N sẽ thay đổi môi trường sống của cháu K1, làm ảnh hưởng đến cháu K1. Do đó, cần giao cháu K1 cho anh K nuôi dưỡng là phù hợp.

[2.4] Về việc cấp dưỡng nuôi chung: Việc cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn thuộc nghĩa vụ của người không trực tiếp nuôi con, nhưng anh K và chị N không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không xem xét đến.

[2.5] Về tài sản chung, về nợ chung: Chị Nguyễn Thị Kim N, anh Nguyễn Trọng K không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3] Xét ý kiến của Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre: Đại diện viện kiểm sát yêu cầu chị N cung cấp học tên chủ nợ để làm rõ nợ chung hay nợ riêng của chị N và anh K. Tại phiên Tòa, chị N trình bày bản thân trước có nợ nhưng đó là nợ riêng, chị đã trả hết nợ và kiên quyết không cung cấp họ tên những người chị N nợ vì chị đã trả hết nợ, không còn nợ ai. Do đó, việc đại diện viện kiểm sát yêu cầu ngừng phiên tòa để chị N cung cấp họ tên chủ nợ là không thể thực hiện, vì chị N đã khẳng định không cung cấp, nếu có phát sinh các thì các chủ nợ có quyền khởi kiện chị N, anh K bằng một vụ án khác, không ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của đương sự. Do đó yêu cầu ngừng phiên tòa để thu thập họ tên chủ nợ của đại diện viện kiểm sát là chưa phù hợp, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Kim N là người khởi kiện yêu cầu ly hôn nên chị Nguyễn Thị Kim N phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các điều 5, 144, 147, 235, 266, 271, 273 và 278 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 55, 81, 82, 83, 84, 107, 110 và Điều 117 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; tuyên:

Tuyên xử:

1/ Về quan hệ hôn nhân: chị Nguyễn Thị Kim N và anh Nguyễn Trọng K thuận tình ly hôn.

Khi ly hôn, chị Nguyễn Thị Kim N và anh Nguyễn Trọng K không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng.

2/ Về con chung: Anh Nguyễn Trọng K được quyền trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng người con chung giữa chị Nguyễn Thị Kim N với anh Nguyễn Trọng K là Nguyễn Ngọc Thiên K1, sinh ngày 09/3/2019.

Ghi nhận anh Nguyễn Trọng K không yêu cầu chị Nguyễn Thị Kim N cấp dưỡng nuôi con.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tóa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con chung, chị Nguyễn Thị Kim N và anh Nguyễn Trọng K hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình có quyền làm đơn yêu cầu Tòa án quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3/ Về việc cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn, về tài sản chung, về nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết do không có yêu cầu.

4/ Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Kim N phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn; nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là: 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0000845 ngày 18 tháng 10 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre, chị Nguyễn Thị Kim N đã nộp đủ án phí.

5/ Về quyền kháng cáo đối với bản án: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Các đương sự;
- VKSND huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre;
- UBND xã v, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Thị Thanh Lan